

Bản án số: **110/2021/HS-ST.**

Ngày 17/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TUYÊN QUANG.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Hữu Bình
2. Bà Lý Thị Nhân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương – Thư ký
Toà án nhân dân thành phố Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên toà: Ông Trần
Việt Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên
Quang mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2021/TLST-
HS, ngày 01 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
108/2021/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức H**, sinh ngày 06/3/1987;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Xóm 6, xã T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang;

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động
tự do; trình độ học vấn: 11/12; con ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị
Kim C, sinh năm 1964; anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ hai; vợ Lưu Thị
Huyền T (đã ly hôn năm 2019); con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008 nhỏ sinh năm
2009;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Năm 2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 tháng tù nhưng
cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng, tại Bản án số 69/2004/HSST ngày
02/7/2004.

- Năm 2005 bị Công an phường T, thị xã Q (nay là thành phố Q), xử phạt vi
phạm về hành vi Trộm cắp tài sản, phạt tiền 125.000 đồng, tại Quyết định số 11311
ngày 12/10/2005.

- Năm 2006 bị Tòa án nhân dân thị xã Q (nay là thành phố Q) xử phạt 09 tháng
tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù tại Bản án số

69/2004/HSST ngày 02/7/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 18 tháng tù, tại Bản án số 24/2006/HSST ngày 11/4/2006 (Tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nên được xóa án tích theo Nghị quyết số 33 ngày 19/6/2009 của Quốc hội).

- Năm 2009 bị Tòa án nhân dân thị xã Q (nay là thành phố Q) xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 102/2009/HSST ngày 27/8/2009 (chấp hành xong bản án ngày 25/3/2016).

- Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 30 tháng tù về tội Đánh bạc, tại Bản án số 51/2016/HSST ngày 12/8/2016 (chấp hành xong bản án ngày 10/01/2019)

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/6/2021; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 01/6/2021, Nguyễn Đức H, trú tại xóm 6, xã T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang là người sử dụng chất ma túy, thuê xe ô tô từ Tuyên Quang đến huyện Đ, thành phố Hà Nội mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Tại huyện Đ, thành phố Hà Nội H gặp một người đàn ông không xác định được tên, tuổi, địa chỉ (theo H khai nhận là T), nhờ mua hộ được 01 chỉ Ketamine gói bằng nilon màu trắng trên mép túi có đường viền màu đỏ và 06 viên nén ma túy tổng hợp (trong đó 04 viên nén màu vàng, 02 viên nén màu xanh) được gói bằng nilon màu trắng có đường viền màu đỏ, với số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 02/6/2021, H thuê xe taxi đi từ huyện Đ, thành phố Hà Nội về thành phố Q, thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ X6 thuộc thôn 7, xã L, thành phố Q. Đến ngày 03/6/2021 H lấy một ít Ketamine và 02 viên nén (trong đó có 01 viên nén màu vàng, 01 viên nén màu xanh) đem về phòng thuê trọ tại km6 thuộc xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đến ngày 07/6/2021 H đã sử dụng hết. Số Ketamine và 04 viên nén còn lại H cất giấu ở bụi cây gần nhà nghỉ X6.

Khoảng 21 giờ 20 phút ngày 09/6/2021, H gọi điện cho Âu Chí H, trú tại xóm 9, xã T, huyện Y hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 19E1-14.100, H nói phải đi ship hàng, H nhờ H qua phòng trọ km6 xã T cho H đi nhờ. H đồng ý, khi H đến đón thì H điều khiển xe mô tô chở H đến nhà nghỉ X6, bảo H đứng ở ngoài đợi, H đi vào chỗ bụi cây lấy 01 gói Ketamine và 04 viên nén ma túy tổng hợp cất giấu vào túi quần bên phải đang mặc, rồi đi ra chỗ H và điều khiển xe mô tô chở H đến khu vực khách sạn Lavender thuộc tổ dân phố 17, phường T, thành phố Q thì bị Tổ công tác Công an thành phố Q phát hiện, yêu cầu dừng xe kiểm tra, H tự giác giao nộp 01 gói Ketamine được gói bằng nilon màu trắng trên mép túi có đường viền màu đỏ và 04 viên ma túy tổng hợp (trong đó 03 viên nén màu vàng, 01 viên nén màu xanh) được gói bằng nilon màu trắng trên mép túi có đường viền màu đỏ, cất giấu trong túi quần bên phải đang mặc. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 22 giờ 30 phút cùng

ngày, thu giữ 01 gói Ketamine và 04 viên ma túy tổng hợp. Tạm giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 19E1-14.100 của Âu Chí H.

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Nguyễn Đức H, kết quả (+) dương tính, có chất ma túy trong cơ thể. H khai nhận sử dụng ma túy ngày 07/6/2021.

Tại Kết luận giám định số 548/GĐKTTHS ngày 13/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

Số chất tinh thể màu trắng (thu giữ của Nguyễn Đức H) gửi giám định là chất ma túy loại Ketamine, khối lượng 0,497g (*không thấy bốn chín bảy gam*).

03 viên nén màu vàng, 01 viên nén màu xanh (thu giữ của Nguyễn Đức H) gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng 1,429g (*một thấy bốn hai chín gam*).

Do Nguyễn Đức H có hành vi tàng trữ trái phép 02 chất ma túy không được quy định trong cùng một điểm của Điều 249 Bộ luật hình sự nên số ma túy tàng trữ được tính theo tỷ lệ phần trăm như sau:

Theo khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ và khối lượng, thể tích chất ma túy quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

05 gam MDMA = 100% thì 1,429 gam MDMA : 5 x 100% = 28,58%.

02 gam Ketamine (là chất ma túy khác ở thể rắn) = 100%, thì 0,497 gam Ketamine : 20 x 100% = 2,485%.

Tổng tỷ lệ % của 02 chất ma túy là: (28,58% + 2,485%) = **31,065%** (dưới mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự).

Tại Cáo trạng số 109/CT-VKSTP, ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố Nguyễn Đức H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức H về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 02 năm tù đến 02 năm 03 tháng tù; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, xác định kết luận giám định đối với số ma túy mà Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo là hoàn toàn khách quan và đúng, bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát; khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 09/6/2021, tại khu vực tổ dân phố 17, phường T, thành phố Q. Nguyễn Đức H, cư trú tại xóm 6, xã T, thành phố Q đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,497g (*Không thấy bốn chín bảy gam*) Ketamine và 1,429g (*Một thấy bốn hai chín gam*) MDMA, mục đích để sử dụng. Tổng tỷ lệ phần trăm của 02 chất ma túy là 31,065% (Dưới mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự). Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng mà bị cáo đã thực hiện phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án, xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà Nước, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, có thể là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, có trình độ học vấn, hoàn toàn nhận thức được hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là hành vi trái với các quy định của pháp luật. Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng là người có nhân thân xấu, 04 lần bị xét xử về các tội khác nhau, 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, không có ý thức rèn luyện bản thân để trở thành người công dân có ích. Mà bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bất chấp các quy định của pháp luật tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện hoàn toàn do lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Nên cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai,

thể hiện ý thức ăn năn hối cải của bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng có giá trị; không có việc làm, thu nhập ổn định; tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân, không vì mục đích vụ lợi. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra có thu giữ số ma túy bị cáo tự nguyện giao nộp (0,447 gam Ketamine và 0,685 gam MDMA là số mẫu vật còn lại sau giám định). Số ma túy này cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

Ngoài ra, còn tạm giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 19E1-14.100 của ông Âu Chí H, ngày 24/6/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho ông Hà, việc trả lại xe mô tô cho ông Hà là đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 07/6/2021 của bị cáo, Công an thành phố Q đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 001613 ngày 17/6/2021, hình thức xử phạt: Cảnh cáo.

Đối với người đàn ông theo H khai tên là Tú mua hộ ma túy cho H ở huyện Đ, thành phố Hà Nội. Nhưng không xác minh làm rõ được nhân thân của người này nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với Âu Chí H, là người đến đón bị cáo ở nhà trọ cho bị cáo đi nhờ xe đến nơi bị cáo cất giấu ma túy để lấy ma túy. Nhưng bản thân Hà không biết bị cáo tàng trữ ma túy, không biết bị cáo đi sống xã L, thành phố Q để làm gì nên không đề cập xử lý.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức H **02 (Hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 09/6/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy đã thu giữ của bị cáo.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q ngày 06/9/2021).

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức H phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang;
- Công an tp. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp. Tuyên Quang;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hữu Bình – Lý Thị Nhân

Lương Thanh Huyền

